TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/KDTM-ST
Ngày: 17/4/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
bảo lãnh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh;
2. Bà Võ Thị Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 04 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 146/2022/TLST-KDTM ngày 07/12/2022 về việc *"tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-KDTM ngày 22/03/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M2; địa chỉ trụ sở: B10, Dự án tổ hợp công trình hỗn hợp số E T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Phòng F, Tầng F, B M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Tăng Thị Thanh V sinh năm 1998; địa chỉ: Phòng F, Tầng F, B M, phường Đ, Quận A, Tp . (Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2022) (có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH M2; địa chỉ trụ sở: Số A đường M, P, phường T, Quận G, Tp .. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Shin Y sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: 180, I-ri, M –eup, P-si, gyeonggi-do, Hàn Quốc; địa chỉ liên lạc: A P, phường P, Quận G, Tp .; là người đại diện thep pháp luật. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/5/2022; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/8/2021, Công ty TNHH M2 và Công ty Cổ phần T, mã số doanh nghiệp số: 0109186793, đại diện bởi ông Lê Xuân L đã ký kết Hợp đồng gia công găng tay số: 190821/HD/SKY-MCUBE/001, Bên gia công là Công ty Cổ phần T, Bên đặt gia công là Công ty TNHH M2 ("Hợp đồng gia công găng tay"). Theo Hợp đồng gia công găng tay, Công ty Cổ phần T có nghĩa vụ chuyển cho Công ty TNHH M2 số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 1.146.000.000 đồng (tương ứng với 50.000 Đô la Mỹ).

Sau đó, Công ty TNHH M2, Công ty Cổ phần T và Công ty TNHH M2 đã đồng ý thỏa thuận với nhau về việc Công ty TNHH M2 sẽ đại diện cho Công ty Cổ phần T để thực hiện thay nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng đối với Công ty TNHH M2.

Ngày 15/9/2021, Công ty TNHH M2 và Công ty TNHH M2 đã ký văn bản bảo lãnh thực hiện hợp đồng số: 20210915/PC-Gloves/MCUBE-SKYLINE ("Bảo lãnh thực hiện hợp đồng"). Theo đó, Công ty TNHH M2 sẽ chuyển cho Công ty TNHH M2 số tiền tương ứng với 50.000 Đô la Mỹ để bảo đảm việc thực hiện Hợp đồng gia công găng tay nêu trên.

Sau khi ký kết Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH M2 (do ông Trần Gia H – Thành viên Công ty) đã chuyển tiền trực tiếp vào số tài khoản của Công ty TNHH M2 (số tài khoản: 700010863757 mở tại Ngân hàng TNHH MTV S), cụ thể các lần chuyển tiền như sau:

Ngày 17/8/2021: 230.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2021: 69.000.000 đồng.

Ngày 17/9/2021: 275.040.000 đồng.

Ngày 20/9/2021 (lúc 18 giờ 22 phút 22 giây): 458.200.000 đồng.

Ngày 20/9/2021 (lúc 18 giờ 23 phút 35 giây): 114.550.000 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty TNHH M2 đã chuyển cho Công ty TNHH M2 là 1.146.790.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng), tương ứng với 50.000 Đô la Mỹ theo thỏa thuận.

Ngày 27/9/2021, Công ty Cổ phần T nhận được từ Công ty TNHH M2 (L/C) do Ngân hàng Standard Commerce Bank Ltd (tại Mỹ) phát hành. Khi nhận được L1, Ngân hàng TMCP Đ – Ngân hàng mà Công ty Cổ phần T có tài khoản giao dịch, đã thông báo và cảnh báo rằng: L/C này chưa có hiệu lực do chưa nhận được điện kích hoạt, đồng thời, Ngân hàng Standard Commerce Bank Ltd và Ngân hàng TMCP Đ chưa có mối quan hệ đại lý và Ngân hàng Standard Commerce Bank Ltd chưa được xếp hạng tín dụng do các tổ chức xếp hạng tín dụng uy tín trên thế giới đánh giá. Vì vậy, việc nhận thanh toán tiền hàng theo L/C của Công ty TNHH M2 cung cấp sẽ

phát sinh rất nhiều rủi ro (căn cứ theo Thông báo ngày 26/10/2021 của Ngân hàng TMCP Đ).

Do đó, Công ty Cổ phần T và Công ty TNHH M2 đã nhiều lần liên hệ, trao đổi với Công ty TNHH M2 và đề nghị Công ty TNHH M2 khắc phục hoặc thay thế bằng một L/C có hiệu lực khác để các bên có thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng gia công găng tay đã ký, nhưng Công ty TNHH M2 không có bất kỳ hành động nào để giải quyết vấn đề này.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 3 Hợp đồng gia công găng tay quy định:"Sau 15 ngày làm việc (không bao gồm thứ 7 và chủ nhật) kể từ ngày thư tín dụng trả ngay, không hủy ngang và có thể chuyển nhượng được Bên A chuyển cho Bên B có hiệu lực, Bên B sẽ giao cho Bên A lô hàng đầu tiên."

Vì vậy, do Công ty Cổ phần T không nhận được L/C có hiệu lực từ Công ty TNHH M2 nên Công ty Cổ phần T không thể tiến hành gia công, giao hàng cho Công ty TNHH M2 cũng như tiếp tục thực hiện Hợp đồng gia công găng tay. Do đó, Công ty TNHH M2, Công ty Cổ phần T và Công ty TNHH M2 thống nhất rằng Hợp đồng gia công găng tay đã chấm dứt, không thể tiếp tục thực hiện được nữa và Công ty TNHH M2 đồng ý hoàn trả số tiền bảo lãnh đã nhận cho Mama's M1.

Sau đó, Công ty TNHH M2 đã nhiều lần liên hệ, làm việc với Công ty TNHH M2 để yêu cầu hoàn trả lại số tiền bảo lãnh và Công ty TNHH M2 cam kết sẽ hoàn trả lại cho Công ty TNHH M2 toàn bộ số tiền này nhưng đến hạn thì đều không hoàn trả lại bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, ngày 24/12/2021, Công ty TNHH M2 và Công ty TNHH M2 đã thống nhất lập Biên bản làm việc lần 3 V/v: Cam kết thanh toán và gia hạn cho hợp đồng theo hợp đồng số: 20210915/PC-GLOVES/MCUBE-SKYLINE. Theo đó, các bên xác nhận rằng: Công ty TNHH M2 đồng ý gia hạn thời hạn thanh toán cho Công ty TNHH M2 và Công ty TNHH M2 đồng ý sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền này chậm nhất là ngày 15/01/2022.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm đến hạn thanh toán cho tới nay, Công ty TNHH M2 đã rất nhiều lần liên hệ Công ty TNHH M2 để đề nghị hoàn trả nhưng đều không nhận được bất kỳ sự phản hồi nào từ Công ty TNHH M2. Vì vậy, Công ty TNHH M2 yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty TNHH M2 thực hiện các nghĩa vụ sau: Hoàn trả cho Công ty TNHH M2 tổng số tiền bảo lãnh là 1.146.790.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/01/2022 đến đến ngày 17/4/2023 (tổng thời gian là 01 năm, 03 tháng, 01 ngày) là: (1.146.790.000 x 10%) + (1.146.790.000 x 10% : 12 x 3) + (1.146.790.000 x 10% : 365 x 1) = 143.662.939 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền sau đây: Số tiền nợ gốc 1.146.790.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 143.662.939 đồng. Tổng cộng là 1.290.452.939 đồng. Yêu cầu bị đơn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH M2, người đại diện theo pháp luật cho bị đơn: Ông Shin Y đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty TNHH M2, người đại diện theo pháp luật cho bị đơn: Ông Shin Y vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH M2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH M2 CUBE trả số tiền còn nợ chưa thanh toán và lãi phát sinh do việc chậm thanh toán theo văn bản bảo lãnh thực hiện hợp đồng số: 20210915/PC-Gloves/MCUBE-SKYLINE ngày 15/9/2021 và các bên đã ký kết, nên đây là tranh chấp về Hợp đồng bảo lãnh.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty M2 hữu một thành viên số 0314867562, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 30/10/2019 thì bị đơn có địa chỉ trụ sở tại: Số A đường M, P, phường T, Quận G, Tp . nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu của Công ty TNHH M2 yêu cầu buộc bị đơn hoàn trả cho Công ty TNHH M2 tổng số tiền bảo lãnh là 1.146.790.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện như sau:

- Căn cứ văn bản bảo lãnh thực hiện hợp đồng số: 20210915/PC-Gloves/MCUBE-SKYLINE ngày 15/9/2021 có nội dung: *"Số tiền bảo lãnh này sẽ được Công ty TNHH M2 hoàn lại cho Công ty TNHH M2 sau khi hợp đồng hoàn thành giữa Công ty Cổ phần T và Công ty TNHH M2 CUBE"*

- Căn cứ biên bản làm việc lần 3 ngày 24/12/2021 có nội dung: "*Hết ngày 24/12/2021 đồng ý với thỏa thuận chung, Hai bên tiếp tục thực hiện cam kết lần thứ ba. Công ty TNHH M2 và Công ty TNHH M2 muốn gia hạn hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và nếu đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 mà hai bên không thực hiện được hợp đồng thì Công ty TNHH M2 và Công ty TNHH M2 phải thảo luận trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc. Công ty TNHH M2 đã thanh toán 1.146.790.000 đồng cho Công ty TNHH M2. Số tiền này đã được thương lượng và xác nhận rằng Công ty TNHH M2 sẽ thanh toán cho Công ty TNHH M2 vào ngày 15/01/2022*".

- Căn cứ Khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự 2015định: "*Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.*"

- Căn cứ Điều 43 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định về Thỏa thuận về bảo lãnh như sau: *"1. Bên bảo lãnh có thể thỏa thuận với bên nhận bảo lãnh về việc áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình; 2. Trường hợp bên bảo lãnh cam kết thực hiện công việc thay cho bên được bảo lãnh thì bên bảo lãnh phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với nghĩa vụ được bảo lãnh; 3. Thỏa thuận về bảo lãnh có thể được thể hiện bằng hợp đồng riêng về bảo lãnh, thư bảo lãnh hoặc hình thức cam kết bảo lãnh khác."*

- Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."*

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về bảo lãnh bằng văn bản bảo lãnh thực hiện hợp đồng số: 20210915/PC-Gloves/MCUBE-SKYLINE ngày 15/9/2021. Đồng thời, nguyên đơn cũng đã chuyển cho bị đơn tổng số tiền là 1.146.790.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng), bị đơn cũng xác nhận có nhận số tiền trên (biên bản làm việc lần 3 ngày 24/12/2021) nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định tính đến ngày 17/4/2023, Công ty TNHH M2 còn nợ Công ty TNHH M2 số tiền là 1.146.790.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 1.146.790.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán:

Bị đơn chậm thanh toán tiền cho nguyên đơn như nhận định tại phần nhận định [3.1] nêu trên.

Căn cứ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015: *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này."*

Căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015: "*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."*

Như vậy, trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 để xác định lãi xuất là 50% của Khoản 1 Điều 468 là 10%/năm.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: từ ngày 16/01/2022 đến ngày 17/4/2023 (tổng thời gian 01 năm, 03 tháng, 01 ngày) là: (1.146.790.000 x 10%) + (1.146.790.000 x 10% : 12 x 3) + (1.146.790.000 x 10% : 365 x 1) = 143.662.939 đồng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với phân tích, nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, 229, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 335, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015

- Căn cứ vào Điều 43 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021;

- Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn - Công ty TNHH M2, bị đơn - Công ty TNHH M2.

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M2: Buộc Công ty TNHH M2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M2 số tiền nợ 1.146.790.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 17/4/2023 là 143.662.939 đồng; tổng cộng là: 1.290.452.939 đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH M2 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.713.588 đồng

Công ty TNHH M2 không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. H1 lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.065.384 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0015202 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH M2.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH M2 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH M2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Công ty TNHH M2; bị đơn Công ty TNHH M2 CUBE được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp . HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK. Thu).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Duyên